

Bản án số: 64/2022/DS-ST
Ngày: 27-7-2022
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nhị.

2. Ông Bùi Mạnh Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2022/TLST – DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1962. (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: 85 D, Phường E, thành phố F, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

1/ Bà B, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2/ Ông C, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ: 42 đường số 4 Lô D khu dân cư K, thị trấn L, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà A trình bày:

Ngày 25/6/2021, bà có cho bà B vay số tiền 600.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, lãi suất 3% tháng, vay trả trong 01 tuần, bà B có thể chấp cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1507 do bà B đứng tên, giấy nợ do bà B ký tên. Ngày 05/12/2021, bà cho bà B vay tiếp 115.000.000 đồng, hẹn ngày 05/01/2022 trả, có làm giấy nhận nợ do bà B và ông C ký tên. Đến nay bà B và ông

C chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi. Bà B và ông C là vợ chồng hợp pháp, bà yêu cầu bà B và ông C liên đới trả cho bà số tiền vay là 715.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1507 cho bà B.

Bị đơn bà B và ông C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo cho bà B và ông C biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay theo đơn khởi kiện của bà A nhưng bà B và ông C không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của bà A.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bà B và ông C không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng, việc xét xử vắng mặt bà B và ông C không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: bà A khởi kiện đòi số tiền vay là 715.000.000 đồng, căn cứ vào giấy nợ ngày 25/6/2021 và 05/12/2021, yêu cầu của bà A là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà A và bà B và ông C có ký với nhau giấy mượn tiền ngày 25/6/2021 và giấy mượn tiền ngày 05/12/2021. Nay bà A khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Do bà B và ông C Trọng hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi bà A khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do bị đơn vắng mặt. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa, bà B và ông C là bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cho bà B và ông C **bao gồm** Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng bà B và ông C vẫn không đến tham gia phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa ra xét xử vắng mặt bà B và ông C là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bà A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của bà A, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Ngày 25/6/2021, bà A cho bà B vay số tiền 600.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, lãi suất 3% tháng, hạn 01 tuần trả, bà B có thể chấp cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1507 tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An số CV 837959 ngày 03/8/2020 do ông N đứng tên đã chính lý chuyển nhượng sang tên cho bà B, giấy nợ do bà B ký tên. Ngày

05/12/2021, bà A cho bà B vay tiếp 115.000.000 đồng, hẹn ngày 05/01/2022 trả, có làm giấy nhận nợ do bà B và ông C cùng ký tên. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà B và ông C vắng mặt. Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú, Công an xã H xác nhận bà B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An và Công an thị trấn L xác nhận ông C có đăng ký thường trú tại 42 đường số 4 Lô D khu dân cư K, thị trấn L, huyện T, tỉnh Long An nhưng hiện nay bà B và ông C không còn sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ. Toà án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, bà B và ông C đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Toà án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Toà án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp. Về nghĩa vụ liên đới, ông C cũng có ký giấy mượn tiền, bà B và ông C là vợ chồng, các khoản vay trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 25/6/2021 và ngày 05/12/2021 buộc bà B và ông C liên đới trả cho bà A số tiền 715.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà A có nghĩa vụ trả lại cho bà B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1507 tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An số CV 837959 ngày 03/8/2020 do ông N đứng tên đã chỉnh lý chuyển nhượng sang tên cho bà B ngày 13/01/2021.

[7] Về phần tiền lãi: bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3.000.000 đồng. Do bà A là đương sự có yêu cầu. Trong trường hợp này, lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do đương sự có yêu cầu chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự và bà A đã nộp xong.

[9] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[10] Về án phí: bà B và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thanh toán. Bà A không phải chịu án phí. Hoàn lại tạm ứng án phí cho bà Mai.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

Buộc bà B và ông C liên đới trả cho bà A số tiền 715.000.000 đồng (bao gồm 600.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 25/6/2021 và 115.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 05/12/2021).

Bà A có nghĩa vụ trả lại cho bà B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa 1507 tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An số CV 837959 ngày 03/8/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông N đã đăng ký biến động Phần nội dung thay đổi chuyển nhượng cho bà B ngày 13/01/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Long An.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3.000.000 đồng, bà A chịu và nộp xong.

Về án phí: bà B và ông C phải chịu 32.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà A 16.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0002395 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ân văn, Lưu;

Hồ Bảo Trâm